

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN TÂN PHÚ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 01 - 2024

“V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Duy - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1095/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023, về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1417/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đào Văn T, sinh năm: 1967 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm: 1969 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 2 V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 27/11/2023; Bản tự khai ngày 25/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn là ông Đào Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị L tự nguyện chung sống với nhau vào từ năm 1986, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2010 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại với nhau để nói chuyện, hàn gắn tình cảm nhưng không cải thiện được tình hình, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, không thể hòa hợp, mỗi người đều có

cuộc sống riêng, làm ăn riêng, tình cảm riêng; Ông, bà đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà L.

Về con chung: ông T khai nhận quá trình chung sống ông T và bà L sinh được 02 con chung tên Đào Minh Q, sinh ngày: 01/4/1987; Trần Thị Huyền T1, sinh ngày 29/9/1989; các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu tòa án xem xét.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác nhận không có nợ chung.

- *Tại bản tự khai ngày 25/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn là bà Trần Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà xác nhận ông T trình bày về quá trình chung sống là đúng. Bà và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986, có tổ chức cưới hỏi nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống bà và ông T có nhiều mâu thuẫn do cuộc sống không hòa hợp, bà đã ly thân với ông T từ năm 2010. Nay nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông T sinh được 02 con chung tên Đào Minh Q, sinh ngày: 01/4/1987; Trần Thị Huyền T1, sinh ngày 29/9/1989; các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn: Có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu trên.

- Bị đơn: Có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đào Văn T xin ly hôn và hiện bị đơn bà Trần Thị L đang cư trú tại quận T, TP . nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, TP . thụ lý giải quyết theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, TP . tiến hành đưa vụ án ra xét

xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét việc ông Đào Văn T và bà Trần Thị L sống chung như vợ chồng từ năm 1986 cho đến nay, mặc dù có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông T, bà L vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia Đình năm 2014.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 quy định: “ Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Căn cứ vào quy định trên, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đào Văn T và bà Trần Thị L.

[3.2]. Về quan hệ con chung:

Quá trình giải quyết, ông T và bà L đều xác nhận sinh được 02 con chung tên Đào Minh Q, sinh ngày: 01/4/1987; Trần Thị Huyền T1, sinh ngày 29/9/1989; Các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu tòa án xem xét.

[4]. Về quan hệ tài sản và nợ chung:

- Về tài sản chung: Ông T và bà L đều không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Ông T và bà L đều xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 75, Điều 76 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* "Không công nhận quan hệ vợ chồng" giữa ông Đào Văn T và bà Trần Thị L.

2. *Về quan hệ con chung:* Quá trình giải quyết, ông T và bà L đều xác nhận sinh được 02 con chung tên Đào Minh Q, sinh ngày: 01/4/1987; Trần Thị Huyền T1, sinh ngày 29/9/1989; Các con đã trưởng thành và phát triển bình thường, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:*

+ *Về tài sản chung:* Ông T và bà L không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ *Về nợ chung:* Ông T và bà L đều xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí:*

- Ông Đào Văn T chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0001685 ngày 07/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5/ *Quyền kháng cáo:*

Ông Đào Văn T, bà Trần Thị L có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Thành

